

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bắc
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Hồng T, sinh năm 1996

Địa chỉ: 27 Nguyễn Thị Minh K, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Anh T, sinh năm 1996

Địa chỉ: 193 Huỳnh Thúc K, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Dương Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh Võ Anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/4/2020. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T ngoại tình và có con riêng bên ngoài, vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng chị không hàn gắn được, đã sống ly thân hơn một năm, sau đó anh T phạm tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; Chế tạo, tàng

trữ trái phép vật liệu nổ. Hiện nay anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Anh T.

Về con chung: Chị và anh Võ Anh T có 01 con chung là cháu Võ Hải Đ, sinh ngày 09/11/2019. Ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên và tự lập được; hiện nay chị làm nghề uốn tóc thu nhập 4.000.000 đồng/tháng; về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền án phí dân sự sơ thẩm chị tự nguyện chịu toàn bộ.

Tại Bản tự khai ngày 24/02/2022 và Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/02/2022, bị đơn là anh Võ Anh T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P ngày 28/4/2020 như chị T trình bày là đúng sự thật. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, hiện nay anh đang bị tạm giam nên anh và chị T không còn quan tâm gì đến nhau, nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Võ Hải Đ, sinh ngày 09/11/2019. Ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên và tự lập được; về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án cho anh xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Dương Thị Hồng T yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Võ Anh T, sinh năm 1996, địa chỉ: 193 Huỳnh Thúc K, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Võ Anh T trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án thông báo hợp lệ để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, anh T xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử giải quyết vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân theo chị T trình bày do anh T ngoại tình và có con riêng bên ngoài, vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân sau đó anh T bị bắt tạm giam nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Tại bản tự khai anh T thừa nhận giữa anh và chị T có mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm với chị T và đồng ý ly hôn nhưng xin xét xử vắng mặt. Vì vậy có cơ sở xác định giữa chị T và anh T không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: chị T và anh T có 01 con chung là cháu Võ Hải Đ, sinh ngày 09/11/2019, hiện cháu đang sống cùng chị T, chị T có nguyện vọng nuôi cháu Đ, anh T cũng đồng ý. Xét thấy chị T đang trong độ tuổi lao động, có công việc ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên và tự lập được là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hồng T, cụ thể như sau:

1. *Về hôn nhân*: Chị Dương Thị Hồng T ly hôn với anh Võ Anh T.

2. *Về việc nuôi con*: Giao cho chị Dương Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Võ Hải Đ, sinh ngày 09/11/2019 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị Dương Thị Hồng T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001221 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Dương Thị Hồng T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai
(Giấy CNKH số 35 ngày 28/4/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu